



shǒu gǎo

手稿

noun · manuscript

Example Sentences

Zuò jiā bǎ shǒu gǎo jiāo gěi le chū bǎn shè
作家把手稿交给了出版社。

The writer handed the manuscript to the publisher.

Zhè fèn shǒu gǎo shì jǐ bǎi nián qián xiě de
这份手稿是几百年前写的。

This manuscript was written hundreds of years ago.

Trace each character, then write the word on your own.

手	手	手	手	手	手	手													
稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿								
稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿	稿												